

Số: 113/2021/QĐST-HNGĐ

*Mai Sơn, ngày 12 tháng 5 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 1980. Địa chỉ: Hợp tác xã A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D. Sinh năm 1976. Địa chỉ: Hợp tác xã A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Bà H và ông D có 03 con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 06/9/1999 và cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 24/9/2003 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 30/6/2012. Bà Nguyễn Thị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc L đến tuổi trưởng thành; ông Nguyễn Văn D nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hoài N đến tuổi trưởng thành. Bà H và ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Bà H và ông D đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết tại thời điểm ly hôn. Nếu sau này phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu của người thứ ba thì Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

d. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001918 ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã B, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Nông Văn Thịnh**